

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

[Văn Hóa Nhật Bản]

Mã học phần: JCU33021 - Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành Anh- Nhật

Điều kiện tiên quyết: không

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

1. Mô tả chung về học phần

Học phần Văn hóa Nhật Bản cung cấp kiến thức cơ bản và khái quát về đất nước và con người Nhật, hệ thống giá trị văn hóa xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế, phong tục tập quán, lối sống v.v... gắn liền với quá trình lịch sử hình thành và phát triển của nước Nhật.

Ngoài ra, thông qua học phần, sinh viên còn có được những kỹ năng so sánh, liên hệ với văn hóa và văn minh dân tộc của nhân loại ở nhiều nước trên thế giới, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa, trong nghiên cứu và học tập, trong công việc, đồng thời tiếp thu và nâng cao, hoàn thiện ngôn ngữ Nhật.

Việt Nam và Nhật Bản có những tương đồng về mặt lịch sử và một số yếu tố văn hóa truyền thống (ảnh hưởng Nho giáo và Phật giáo), do đó, nghiên cứu môn học này sẽ giúp cho chúng ta bổ sung thêm kiến thức cũng như những bài học bổ ích cho công cuộc đổi mới, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A4, B1, B3, C2, C3, và C4 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Nhật

2. Các chữ viết tắt (nếu có)

GV: GV

CB: Giáo trình

RB: Sách tham khảo

TL: Tự luận

SV: Sinh viên

TT: Thuyết trình

BTVN: Bài tập về nhà

BTHK: Bài thi cuối học kỳ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra	Mô tả
a1	Nắm vững kiến thức cơ bản về quá trình lịch sử hình thành đất nước Nhật Bản, các giá trị văn hóa nền tảng, các phong tục tập quán, bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo, giáo dục của nước Nhật;
a2	Áp dụng kiến thức cơ bản về văn hóa nhật bản trong giao tiếp tiếng Nhật thông thường
b1	Thể hiện kỹ năng so sánh đối chiếu 2 nền văn hóa Nhật-Việt
b2	Có kỹ năng làm việc, kỹ năng thuyết trình độc lập và theo nhóm trong môi trường vừa và nhỏ.

4. Giáo trình và tài liệu học tập

4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:

CB1	大森和夫、大森弘子(2019). <i>日本という国</i> . 電子書籍
CB2	板坂元(2003) <i>日本を知る</i> . スリーエネットワーク
CB3	池上彰. (2012) <i>日本まるごとガイドブック</i> . 小学館
CB4	佐々木. (2018) <i>クローズアップ日本事情 15</i> . The Japan Times Ltd.
CB5	Eiichi Aoki - Nguyễn Kiên Trường dịch (2019). <i>Nhật Bản Đất nước và con người</i> . NXB Hồng Đức
CB6	Văn minh Nhật Bản

4.2. Tài liệu tham khảo:

RB1	Vĩnh Sinh. (2015). <i>Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa</i> . NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh
RB2	永田小絵. (2019). <i>通訳翻訳論通訳訓練の方法</i> . 獨協大学
RB3	板坂元(2003) <i>日本を知る</i> . スリーエネットワーク

5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Làm bài tập về nhà và trên lớp đầy đủ, đạt kết quả.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình văn hóa, xã hội của Việt Nam và Nhật Bản, các chương trình và hoạt động giao lưu văn hóa giữa hai quốc gia.

6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
第1課 : Khái quát về đất nước - con người Nhật Bản 1.1. Vị trí địa lý - tên gọi đất nước 1.2. Hoàn cảnh địa lý - khí hậu 1.3. Các vùng miền Văn hóa 1.4. Cư dân - chủ thể văn hóa	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với hoàn cảnh địa lý tự nhiên Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (đọc về lịch sử Việt Nam và Nhật Bản)	6	a1, a2, b1, b2
第2課 Bài 2. Tiến trình lịch sử của Nhật Bản 2.1. Lịch sử thời cổ đại 2.2. Lịch sử thời trung đại 2.3. Lịch sử thời cận đại 2.4. Lịch sử thời hiện đại 2.5. So sánh, đối chiếu với lịch sử Việt Nam	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với hoàn cảnh lịch sử Việt Nam, rút ra bài học từ kinh nghiệm phát triển của Nhật Bản	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu cơ chế tam quyền phân lập và Nhật bản)	6	a1, a2, b1, b2
第3課: Hệ thống chính trị	Nghe giảng, thảo luận,	2	Hoàn thành	6	a1,

Nhật Bản 3.1. Vị trí - Vai trò của Thiên Hoàng 3.2. Cơ chế Tam quyền phân lập 3.3. Hiến pháp Nhật Bản	so sánh với cơ chế lưỡng đầu chế trong lịch sử phong kiến Việt Nam thời Lê - Trịnh		BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu vấn đề bình đẳng giới ở VN và Nhật bản)		a2, b1, b2
第4課: Gia đình và xã hội Nhật Bản 4.1. Gia đình truyền thống và hiện đại 4.2. Quan niệm về lòng trung thành 4.3. Bình đẳng giới và vị thế của nữ giới trong xã hội 4.4. Vấn đề già hóa dân số	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với Việt Nam, phát hiện các vấn đề trong XH Việt Nam hiện nay	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu thêm về trang phục truyền thống, nhà ở truyền thống Việt Nam và Nhật bản)	6	a1, a2, b1, b2
第5課 Bài 5. Văn hóa ẩm thực - trang phục - loại hình cư trú 5.1. Ẩm thực thiên về cái đẹp 5.2. Trang phục truyền thống Kimono 5.3. Các loại hình nhà ở Nhật Bản	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với Việt Nam về các phương diện ẩm thực, áo dài	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu chế độ giáo dục và hệ thống giáo dục Việt Nam và Nhật)	6	a1, a2, b1, b2
第6課 Bài 6. Hệ thống giáo dục Nhật Bản 6.1. Hệ thống các cấp học 6.2. Giáo dục bắt buộc 6.3. Hoạt động ngoại khóa	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với Việt Nam, rút ra bài học kinh nghiệm cho giáo dục Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu về nghệ thuật trà đạo; thư pháp Việt Nam và Nhật bản)	6	a1, a2, b1, b2
第7課 Bài 7. Văn hóa truyền thống Nhật Bản 7.1. Trà đạo 7.2. Bonsai và Teien 7.3. Origami và Kirigami 7.4. Thư pháp	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị bài thuyết trình nhóm cho ĐG 1	6	a1, a2, b1, b2
第8課 Đánh giá 1: 25% Thuyết trình nhóm bằng ngôn ngữ tiếng Nhật về một bộ môn Văn hóa truyền thống (có so sánh đối chiếu với quốc gia khác)	Thuyết trình nhóm trên lớp bằng tiếng Nhật, trả lời câu hỏi của GV và nhóm khác, tham gia đánh giá phần trình bày của nhóm khác	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu về đạo Phật ở Việt Nam và Nhật bản)	6	a1, a2, b1, b2
第9課 Bài 9. Tôn giáo và Văn hóa giao tiếp 9.1. Thần đạo	Nghe giảng, thảo luận, so sánh tình hình tôn giáo ở Việt Nam, tìm ra điểm chung và riêng trong đạo Phật ở hai	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu về lễ tết ở Việt Nam và	6	a1, a2, b1, b2

9.2. Phật giáo và Thiên tông 9.3. Ki tô giáo 9.4. Một số đặc điểm văn hóa giao tiếp, ứng xử tiêu biểu	quốc gia.		Nhật bản)		
第 10 課 Bài 10. Lễ tết và Lễ hội 10.1. Lễ hội thưởng hoa anh đào - Hanami 10.2. Tết trẻ em 10.3. Lễ Obon 10.4. Tuần lễ vàng Golden week 10.5. Các ngày nghỉ lễ quốc gia	Nghe giảng, thảo luận, so sánh Lễ Obon ở Nhật Bản với Rằm tháng 7 ở Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu về sân khấu truyền thống Việt Nam, môn võ cổ truyền Vovinam)	6	a1, a2, b1, b2
第 11 課 Bài 11. Nghệ thuật truyền thống - Võ thuật - Thể thao 11.1. Kịch No và Kabuki 11.2. Các môn võ truyền thống (Judo, Kiếm đạo, Karate, Aikido) 11.3. Vật Sumo và Bóng chày	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu về kiến trúc chùa và đền ở Việt Nam)	6	a1, a2, b1, b2
第 12 課 Bài 12. Kiến trúc Nhật Bản 12.1. Kiến trúc cung điện, lâu đài, thành 12.2. Kiến trúc đền thờ Thần đạo 12.3. Kiến trúc chùa Phật giáo	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với kiến trúc đền, chùa Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau	6	a1, a2, b1, b2
第 13 課 Bài 13. Văn hóa đương đại 13.1. Truyện tranh Manga 13.2. Phim hoạt hình Anime 13.3. Nghệ thuật Cosplay nhân vật	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (tìm hiểu giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản)	6	a1, a2, b1, b2
第 14 課 Bài 14. Văn hóa Nhật Bản và thế giới 14.1. Kinh nghiệm Bảo tồn văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại 14.2. Ảnh hưởng của Văn hóa Nhật Bản ở nước ngoài 14.3. Giao lưu Văn hóa khu vực và thế giới	Nghe giảng, thảo luận, so sánh với Việt Nam, rút ra bài học kinh nghiệm cho bảo tồn văn hóa truyền thống ở Việt Nam	2	Hoàn thành BTVN, chuẩn bị trước nội dung bài sau (bài thuyết trình cá nhân)	6	a1, a2, b1, b2
Bài 15. Bài Đánh giá 2: 25% Thuyết trình cá nhân về một nét Văn hóa đương đại của	Thuyết trình cá nhân trên lớp bằng tiếng Nhật, trả lời câu hỏi	2		6	a1, a2, b1,

Nhật Bản	của GV và SV khác, tham gia đánh giá phần trình bày của bạn khác				b2
Tổng số tiết/giờ học		30		90	

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

8. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a2, a7, a8, b2, b4, c4, c5 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình nhóm bằng tiếng Nhật
- Mô tả bài đánh giá [*mô tả bài đánh giá, cách thức thực hiện để đạt được các yêu cầu của bài đánh giá*]:
 - Thời gian thực hiện: Tiết thứ 15-16
 - Mô tả chung: Thuyết trình nhóm bằng ngôn ngữ tiếng Nhật về một bộ môn Văn hóa truyền thống (có so sánh đối chiếu với quốc gia khác)
 - Các yêu cầu về minh chứng sinh viên cần cung cấp cho giảng viên nhằm chứng tỏ năng lực của mình: trước đó 2 tuần, sinh viên làm việc theo nhóm, trao đổi thống nhất đề tài tự chọn, phân công công việc chuẩn bị cho các thành viên, cùng làm bài thuyết trình qua công cụ Power point và đến ngày thực hiện, các thành viên sẽ thuyết trình bằng tiếng Nhật trước lớp, sau đó nhận câu hỏi chất vấn từ GV, các nhóm khác và trả lời câu hỏi.

Yêu cầu bài thuyết trình: Giới thiệu được lịch sử ra đời, phát triển của 1 bộ môn văn hóa truyền thống của Nhật Bản (như trà đạo, nghệ thuật đĩnh viên, thư pháp, kịch No, kịch Kabuki...), nét đặc sắc và ảnh hưởng trong đời sống của người Nhật, so sánh được điểm giống và khác với một bộ môn nghệ thuật tương tự của một quốc gia khác.

Trong quá trình thực hiện cũng như khi thuyết trình, phải tôn trọng văn hóa tộc người, không có thái độ kỳ thị, phân biệt.

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a2, a7, a8, b2, b4, c4, c5 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình cá nhân bằng tiếng Việt
- Mô tả bài đánh giá [*mô tả bài đánh giá, cách thức thực hiện để đạt được các yêu cầu của bài đánh giá*]:
 - Thời gian thực hiện: Tiết thứ 29-30
 - Mô tả chung: Thuyết trình cá nhân bằng ngôn ngữ tiếng Việt về một nét văn hóa đương đại của Nhật Bản (có so sánh đối chiếu với quốc gia khác)
 - Các yêu cầu về minh chứng sinh viên cần cung cấp cho giảng viên nhằm chứng tỏ năng lực của mình: trước đó 2 tuần, sinh viên tự lựa chọn đề tài mà bản thân thấy hứng thú, thu thập thông tin, tư liệu qua các kênh tiếng Việt và tiếng Nhật, làm bài thuyết trình qua công cụ Power point và đến ngày thực hiện sẽ thuyết trình trước lớp, sau đó nhận câu hỏi chất vấn từ GV, các SV khác và trả lời câu hỏi.

Yêu cầu bài thuyết trình: Giới thiệu được lịch sử ra đời, phát triển của nét văn hóa đương đại của Nhật Bản (như Manga, Anime, Cosplay, Robot...), nét đặc sắc và ảnh hưởng trong đời sống của người Nhật, so sánh được điểm giống và khác với văn hóa đương đại tương tự của một quốc gia khác hoặc sức ảnh hưởng của nét văn hóa đó trên thế giới.

Trong quá trình thực hiện cũng như khi thuyết trình, phải tôn trọng văn hóa tộc người, không có thái độ kỳ thị, phân biệt.

- Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
Nắm vững kiến thức cơ bản về quá trình lịch sử hình thành đất nước Nhật Bản, các giá trị văn hóa nền tảng, các phong tục tập quán, bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo, giáo dục của nước Nhật;	Hiểu rõ	Hiểu khá rõ	Hiểu ở mức trung bình	Hiểu ở mức hạn chế	Hiểu ở mức rất hạn chế
Áp dụng kiến thức cơ bản về văn hóa nhật bản trong giao tiếp tiếng Nhật thông thường	Áp dụng tốt	Áp dụng khá tốt	Áp dụng ở mức trung bình	Áp dụng ở mức hạn chế	Áp dụng rất hạn chế
Thể hiện kỹ năng so sánh đối chiếu 2 nền văn hóa Nhật-Việt	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
Thể hiện kỹ năng làm việc, kỹ năng thuyết trình độc lập và theo nhóm trong môi trường vừa và nhỏ.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Kết quả đánh giá chung:

Kết quả của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{TT1 \times 25 + TT2 \times 25 + BTHK \times 50}{100}$$

1. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Máy chiếu Projector, máy tính, hệ thống trang âm.

2. An toàn của sinh viên và giảng viên

Giảng viên và sinh viên tuân thủ các quy định về lớp học; quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; quy định về phòng thực hành tiếng và các quy định khác của nhà trường và khoa.

3. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số tiết. Nếu nghỉ từ 10%-20% sẽ bị trừ vào điểm chuyên cần. Nếu nghỉ 30% trở lên, sinh viên phải học lại học phần này.

Làm bài tập được giao đầy đủ, đúng hạn. Nếu không đúng hạn sẽ bị trừ 1 điểm vào 1 bài đánh giá.

Trong lớp không mất trật tự, nếu mất trật tự gây ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học sẽ bị trừ 1 điểm vào bài kiểm tra hết môn.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 202...
Người biên soạn